

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-PT

Ngày 24/5/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thiết Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Luật;

Bà Đoàn Thị Kim Thương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kiều Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:*** Bà Nguyễn Thị Tố Ly
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại Phòng xét xử số 03 - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2021/QĐPT-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở: Số 02 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Anh Q – Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện HH là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng N và theo giấy ủy quyền số 437/GUQ-NHNoHH-TH ngày 24/8/2020 của Giám đốc); Có mặt tại phiên tòa.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Phi P, sinh năm 1974, vắng mặt và bà Phạm Thị H, sinh năm 1977, có mặt tại phiên tòa; Cùng trú tại: Khối A, thị trấn K, huyện HH, tỉnh Quảng Trị.

3. **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Ngọc T và bà Phạm Thị Trà M, cùng trú tại: Khôi B, thị trấn K, huyện HH, tỉnh Quảng Trị.

4. **Người kháng cáo - Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** ông Nguyễn Ngọc T và bà Phạm Thị Trà M. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ nhu cầu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ gia đình, ngày 27/10/2017, các thành viên trong hộ gia đình gồm: Ông Nguyễn Phi P (là chồng) ủy quyền cho bà Phạm Thị H (là vợ) theo Giấy ủy quyền số: 197115699/UQ ngày 27/10/2017 là người đại diện để xác lập, thực hiện các giao dịch vay vốn tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện HH, tỉnh Quảng Trị (sau đây gọi tắt là N HH). Thực hiện ủy quyền trên, bà Phạm Thị H đã ký kết các hồ sơ vay vốn tại N HH để sử dụng vào mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ gia đình cụ thể như sau:

- Ngày 13/11/2018, N HH và bà Phạm Thị H đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 3907-LAV-201803602, hạn mức cho vay là 800.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm triệu đồng); thời hạn hạn mức là 12 tháng, kể từ ngày 13/11/2018 đến ngày 13/11/2019. Mục đích sử dụng vay vốn: Mua hàng tạp hóa, thu mua cà phê, tiêu theo giấy đăng ký kinh doanh số 30H 8002919. N HH đã thực hiện giải ngân theo từng lần nhận nợ của bà Phạm Thị H, cụ thể:

- Lần nhận nợ thứ nhất: Số giải ngân 3907-LDS-201902513 ký kết ngày 15/5/2019, số tiền nhận nợ là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng từ ngày 15/5/2019 đến hết ngày 14/11/2019. Thời hạn trả lãi 03 tháng/lần vào ngày 25 tháng cuối quý (tháng 3-6-9-12) với lãi suất cho vay 9%/năm, áp dụng lãi suất cố định. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay. Mục đích vay: Thu mua cà phê quả khô.

Dư nợ đến ngày 25/02/2021 là: 142.295.342 đồng. Trong đó:

+ Gốc: 120.000.000 đồng

+ Lãi trong hạn: 15.356.712 đồng

+ Lãi quá hạn: 6.938.630 đồng

- Lần nhận nợ thứ hai: Số giải ngân: 3907-LDS-201902540 ký kết ngày 16/5/2019, số tiền nhận nợ là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng từ ngày 16/5/2019 đến hết ngày 14/11/2019. Thời hạn trả lãi 03 tháng/lần vào ngày 25 tháng cuối quý (tháng 3-6-9-12) với lãi suất cho vay 9%/năm, áp dụng lãi suất cố định. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay. Mục đích vay: Thu mua cà phê quả khô.

Dư nợ đến ngày 25/02/2021 là: 118.579.452 đồng. Trong đó:

+ Gốc: 100.000.000 đồng

+ Lãi trong hạn: 12.797.260 đồng

+ Lãi quá hạn: 5.782.192 đồng

- Lần nhận nợ thứ ba: Số giải ngân: 3907-LDS-201902896 ký kết ngày 31/5/2019, số tiền nhận nợ là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng từ ngày 31/5/2019 đến hết ngày 25/11/2019. Thời hạn trả lãi 03 tháng/lần vào ngày 25 tháng cuối quý (tháng 3-6-9-12) với lãi suất cho vay 9%/năm, áp dụng lãi suất cố định. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay. Mục đích vay: Thu mua cà phê quả khô.

Dư nợ đến ngày 25/02/2021 là: 118.443.836 đồng. Trong đó:

+ Gốc: 100.000.000 đồng

+ Lãi trong hạn: 12.797.260 đồng

+ Lãi quá hạn: 5.646.575 đồng

- Lần nhận nợ thứ tư: Số giải ngân: 3907-LDS-201903976 ký kết ngày 29/7/2019, số tiền nhận nợ là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 09 tháng từ ngày 29/7/2019 đến hết ngày 25/4/2020. Thời hạn trả lãi 03 tháng/lần vào ngày 25 tháng cuối quý (tháng 3-6-9-12) với lãi suất cho vay 9%/năm (365 ngày), áp dụng lãi suất có điều chỉnh, thời điểm điều chỉnh: Ngày 05 tháng cuối quý (ngày 05 tháng 3-6-9-12), lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất huy động cao nhất đối với tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bằng đồng Việt Nam của Agribank tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 2,2%/năm (Hiện nay, lãi suất đã được điều chỉnh và đang áp dụng 8,7%/năm kể từ ngày 05/6/2020). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay. Mục đích vay: thu mua cà phê quả khô.

Dư nợ đến ngày 25/02/2021 là: 165.031.233 đồng. Trong đó:

+ Gốc: 150.000.000 đồng

+ Lãi trong hạn: 12.646.849 đồng

+ Lãi quá hạn: 2.384.384 đồng

Ngày 24/6/2020, Ngân hàng làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện HH, ngày 26/6/2020 Tòa án thụ lý vụ án. Theo đơn khởi kiện thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Phi P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho N HH số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng trên là 544.349.863 đồng; bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Phi P phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3907-LAV-201803602 ký kết ngày 13/11/2018 và tại các lần nhận nợ kể từ ngày 25/02/2021 cho đến khi bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Phi P trả hết nợ gốc cho N HH.

Trường hợp nếu bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Phi P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì N HH có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Phi P theo hợp đồng thế chấp Quyền

sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 197273388/HĐTC ký kết ngày 27/10/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Phi P phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

Trường hợp xử lý phát mãi tài sản của bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Phi P mà vẫn không đủ bù đắp số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí tòa án, chi phí xử lý phát mãi tài sản (nếu có) thì bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Phi P phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn là ông Nguyễn Phi P vắng mặt không có lý do, bà Phạm Thị H thừa nhận có vay và đang nợ Ngân hàng số tiền là 544.349.863 đồng; trong đó: Tiền gốc: 470.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 53.598.082 đồng, tiền lãi phạt quá hạn: 20.751.781 đồng như Ngân hàng trình bày. Bà H mong muốn Ngân hàng khoan lãi để bà H có thể trả nợ cho Ngân hàng. Về tài sản thế chấp bà H không có ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và bản tự khai ngày 25/8/2020, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Trà M và ông Nguyễn Ngọc T trình bày ý kiến: Việc vợ chồng ông Nguyễn Phi P và bà Phạm Thị H vay vốn của Ngân hàng thì vợ chồng ông T, bà M không có ý kiến gì. Đối với tài sản thế chấp là đất và nhà trên đất: Căn cứ Quyết định phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐPT-DS ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên tặng cho là ông Nguyễn Ngọc T và bà Phạm Thị Trà M đều trú tại Khối B, thị trấn K, huyện HH với bên được tặng cho là ông Nguyễn Phi P và bà Phạm Thị H đều trú tại Khối A, thị trấn K, huyện HH, tỉnh Quảng Trị lập ngày 21/4/2014 và được công chứng cùng ngày tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Quảng Trị vô hiệu nên tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 351, tờ bản đồ số 21 tại Khối B, thị trấn K, huyện HH, tỉnh Quảng Trị đã thế chấp cho Ngân hàng là tài sản của vợ chồng ông T, bà M.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 25/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Quảng Trị quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS; căn cứ vào các Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 133, Điều 299, Điều 317, khoản 3 Điều 318, Điều 319, Điều 322, Điều 323 của Bộ luật dân sự tuyên xử vắng mặt ông Nguyễn Phi P và bà Phạm Thị Trà M: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Phi P phải trả cho Ngân hàng N

số tiền 544.349.863 đồng; trong đó: Nợ gốc 470.000.000 đồng, nợ lãi 74.349.863 đồng.

Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bà H, ông P phải tiếp tục chịu khoản nợ lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3907-LAV-201803602 ngày 13/11/2018.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn đề nghị yêu cầu thi hành án, nếu bà H, ông P không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện HH, tỉnh Quảng Trị kê biên phát mãi xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 351, tờ bản đồ số 21 tại Khối B, thị trấn K, huyện HH, tỉnh Quảng Trị. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 804367 do UBND huyện HH cấp ngày 20/5/2014 cấp cho bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Phi P theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 197273388/HĐTC ký kết ngày 27/10/2017. Trường hợp bà H, ông P trả được khoản nợ trên thì Ngân hàng N có trách nhiệm trả lại các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất bản chính đã thế chấp tại Ngân hàng cho người thế chấp tài sản và làm thủ tục giải chấp ngay theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/3/2021, bà Phạm Thị Trà M và ông Nguyễn Ngọc T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét yêu cầu của vợ chồng ông bà về việc xác định tài sản là thửa đất số 351, tờ bản đồ số 02 tại Khối B, thị trấn K, huyện HH, tỉnh Quảng Trị với lý do: Không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm thiếu khách quan, toàn diện khi không xem xét chấp thuận yêu cầu của vợ chồng bà M, ông T về việc yêu cầu xác nhận tài sản là nhà và đất đang được xem xét là tài sản của bà M và ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi nhận được đơn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Thẩm phán cấp sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, xem xét. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư

ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Trà M và ông Nguyễn Ngọc T được thực hiện trong thời hạn kháng cáo, đảm bảo nội dung, hình thức theo quy định, đã nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Về Hợp đồng tín dụng số 3907-LDS-201902513 ký kết ngày 13/11/2018 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện HH, tỉnh Quảng Trị với bà Phạm Thị H được các bên xác lập trên nguyên tắc giao kết Hợp đồng dân sự, chủ thể tham gia có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật. Quá trình thực hiện Hợp đồng, N HH đã thực hiện giải ngân qua 04 lần nhận nợ cho bà Phạm Thị H, có xác nhận của các bên. Tuy nhiên từ ngày 14/11/2019, bà Phạm Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó việc Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ, được chấp nhận.

Bản án sơ thẩm xác định số tiền mà bà Phạm Thị H phải trả cho N HH tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 544.349.863 đồng; trong đó: Nợ gốc: 470.000.000 đồng, nợ lãi 74.349.863 đồng là đúng với nội dung các bên đã thỏa thuận, phù hợp với các quy định của pháp luật về lãi suất tại thời điểm giao kết Hợp đồng.

[3] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị Trà M và ông Nguyễn Ngọc T:

Về Hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng, ngày 27/10/2017 bà H và ông P đã ký kết Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 197273388/HĐTC với N HH và đã được công chứng tại Văn phòng công chứng số 2 tỉnh Quảng Trị.

Các bên ký Hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với các nguyên tắc giao kết hợp đồng dân sự, có đủ chữ ký của các chủ sở hữu và bên nhận thế chấp, Hợp đồng được công chứng bởi Văn phòng Công chứng số 2 tỉnh Quảng Trị, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định, vì vậy có hiệu lực đối với các chủ thể tham gia và các bên phải có nghĩa vụ tuân thủ các nội dung mà mình đã ký kết. Tại Điều

2 của Hợp đồng, các bên thỏa thuận rõ việc thế chấp nhằm đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của bà Phạm Thị H đối với N HH, các bên cũng đã xác nhận tại Điều 1.1, Điều 1.2 và và Điều 4.1 của Hợp đồng về nội dung các tài sản dùng thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 351, tờ bản đồ số 21 tại Khối B, thị trấn K, huyện HH, tỉnh Quảng Trị, vì vậy khi bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất BQ 804367 của UBND huyện HH cấp ngày 20/5/2014 như nội dung Bản án sơ thẩm là có cơ sở.

Xét kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cho rằng tài sản thế chấp gồm đất và nhà là tài sản của bà Phạm Thị Trà M và ông Nguyễn Ngọc T theo Quyết định phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐPT-DS ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã tuyên bố Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên tặng cho: ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1981 và bà Phạm Thị Trà M, sinh năm 1984; nơi cư trú: Khối B, thị trấn K, huyện HH, tỉnh Quảng Trị với bên được tặng cho: ông Nguyễn Phi P, sinh năm 1974 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Khối A, thị trấn K, huyện HH, tỉnh Quảng Trị lập ngày 21/4/2014 và được công chứng cùng ngày tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Quảng Trị vô hiệu.

Bên vay tiền bà Phạm Thị H và N HH ký kết Hợp đồng thế chấp và đăng ký thế chấp tài sản trước thời điểm Tòa án tuyên bố Hợp đồng tặng cho tài sản trên vô hiệu, nên việc N HH nhận thế chấp tài sản trên là ngay tình và đúng quy định của pháp luật; căn cứ theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu nhưng tài sản đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sau đó được chuyển giao bằng một giao dịch dân sự khác cho người thứ ba ngay tình và người này căn cứ vào việc đăng ký đó mà xác lập, thực hiện giao dịch thì giao dịch đó không bị vô hiệu”*. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 197273388/HĐTC giữa N HH với bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Phi P có hiệu lực pháp luật.

Do đó, ý kiến của bà M, ông T về tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 351, tờ bản đồ 21 tại Khối B, thị trấn K, huyện HH, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BQ 804367 do UBND huyện HH cấp ngày 20/5/2014 cấp cho bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Phi P được dùng làm tài sản thế chấp cho N HH là tài sản của vợ chồng bà M, ông T là không đúng quy định của pháp luật dân sự nên không được chấp nhận. Bà Phạm Thị Trà M và ông Nguyễn Ngọc T có thể khởi kiện bằng một vụ án khác để yêu cầu bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Phi P giải quyết hậu quả của Hợp đồng tặng cho

do vô hiệu theo Quyết định phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐPT-DS ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

[4] Về án phí: Kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Trà M và ông Nguyễn Ngọc T không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm, cấp sơ thẩm đã áp dụng thiếu điều luật quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ được quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện HH xét xử sơ thẩm vụ án trên đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật nên không vi phạm thủ tục tố tụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Trà M và ông Nguyễn Ngọc T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS; căn cứ vào các Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 133, Điều 299, Điều 317, khoản 3 Điều 318, Điều 319, Điều 322, Điều 323 của Bộ luật dân sự tuyên xử vắng mặt ông Nguyễn Phi P: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Phi P phải trả cho Ngân hàng N số tiền 544.349.863 đồng; trong đó: Nợ gốc 470.000.000 đồng, nợ lãi 74.349.863 đồng.

Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bà H, ông P phải tiếp tục chịu khoản nợ lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3907-LAV-201803602 ngày 13/11/2018.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn đề nghị yêu cầu thi hành án, nếu bà H, ông P không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện HH, tỉnh Quảng Trị kê biên phát mãi xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 351, tờ bản đồ số 21 tại Khôi B, thị trấn K, huyện HH, tỉnh Quảng Trị. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 804367 do UBND huyện HH cấp ngày 20/5/2014 cấp cho bà Phạm Thị H và ông

Nguyễn Phi P theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 197273388/HĐTC ký kết ngày 27/10/2017.

Trường hợp bà H, ông P trả được khoản nợ trên thì Ngân hàng N có trách nhiệm trả lại các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất bản chính đã thế chấp tại Ngân hàng cho người thế chấp tài sản và làm thủ tục giải chấp ngay theo quy định của pháp luật.

2. Án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 BLTTDS; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Phi P phải chịu 25.773.995 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả số tiền 12.225.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001754 ngày 26/6/2020 của Chi cục THADS huyện HH, tỉnh Quảng Trị.

Về chi phí thẩm định: Buộc bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Phi P phải hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 1.200.000 đồng.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Phạm Thị Trà M, ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001897 ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện Hướng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hướng Hóa;
- VKSND huyện Hướng Hóa;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Tổ HCTP;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thiết Hùng